

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/5/2022.

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Bà **Trần PH Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1 ấp Hiệp Trung, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kiên Hảo, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh Đ trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2021 anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Xuân H tự nguyện tìm hiểu và yêu th nhau nên được gia đình hai bên tổ chức đám cưới để thành vợ chồng. Anh Đ và chị H có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày

18/10/2021. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh Đ và chị H sống rất hạnh phúc nhưng sau một thời thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh chị không hợp tính tình và thường xảy ra cãi vã nhau. Đến cuối năm 2021 do mâu thuẫn nên anh Đ và chị H đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị H không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Anh Trần Thanh Đ khai rằng anh và chị Nguyễn Thị Xuân H không có con chung, tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh chị Nguyễn Thị Xuân H. Tuy nhiên chị H không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của chị Nguyễn Thị Xuân H trong hồ sơ vụ án.

* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh Trần Thanh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân H. Về con chung, về tài sản và về nợ chung: không có nên Đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Buộc anh Trần Thanh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của anh Trần Thanh Đ thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Xuân H. Tuy nhiên, anh Đ có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt còn chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị H tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đầu năm 2021 anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Xuân H thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Xuân H có mâu thuẫn do vợ chồng sống không hòa hợp. Đến cuối năm 2021 anh Đ và chị H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân anh Đ và chị H không có liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay Anh Đ cho rằng không còn tình cảm và xin ly hôn với chị H Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị H.

- *Về quan hệ con chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản và nợ chung:* Không có đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Thanh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 14 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Cho anh Trần Thanh Đ ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân H.

2/. Về quan hệ con chung: không có nên miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên miễn xét.

4/. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001548 ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Đ không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An